

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 09-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N1, sinh năm 1988, tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 (chết) và bà Trần Thị K (chết ngày 20/12/2022); chưa có vợ (sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Tuyết N2) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2022 đến ngày 11/6/2022 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983; nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lâm Vũ L2 (tên gọi khác: C), sinh năm 1992; nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

2. Ông Phạm Văn N3, sinh năm 1988; nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

3. Bà Trần Thị K, sinh năm 1964; nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đã chết ngày 20/12/2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị K:

1. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1986; nơi cư trú khu vực A, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990 (có mặt);

3. Ông Nguyễn Trung Q, sinh năm 1996 (có mặt).

Cùng nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1987 (vắng mặt);

2. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3. Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1986 (có mặt);

4. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1963 (có mặt);

5. Ông Quách Kim C2, sinh năm 1989 (có mặt);

Cùng nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

6. Ông Lê Đức T4, sinh năm 1986 (vắng mặt);

7. Ông Huỳnh Văn H3, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn N1 cùng với Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 là bạn bè với nhau. Khi nghe Lâm Vũ L2 nói lại việc L2 bị Nguyễn Văn D (là em ruột của Nguyễn Văn T1) đến nhà tìm L2 đánh, thì L2 có nhờ bị cáo N1 và N3 đi đánh đả mặt Nguyễn Văn D.

Khoảng 17 giờ ngày 07/01/2011, sau khi uống rượu tại nhà của Lê Đức T4 (em rể của bị cáo) thì bị cáo đi bộ từ nhà đến khu vực rạch X (Ủy ban nhân dân xã Đ cũ), trên đường đi thì bị cáo gặp Phạm Văn N3, lúc đến cầu X thì L2 điện thoại nói với bị cáo là bị anh em của D đánh hồi chiều và kêu bị cáo đến đánh lại đả mặt. Bị cáo kêu L2 một giờ sau chạy xe đến cầu X rước bị cáo. Trong lúc nói chuyện điện thoại với

L2 thì bị cáo mở loa ngoài nên N3 nghe toàn bộ sự việc. Khoảng một giờ sau, thì L2 chạy xe của mình, loại xe Wave (không xác định được biển số) đến cầu X chờ bị cáo và N3 đến nhà của L2. Khi đến nhà L2 thì tất cả đều đứng trước sân nhà nói chuyện, tại đây L2 kêu bị cáo và N3 đi đánh D dẫn mặt, nói xong thì L2 dẫn bị cáo và N3 đi tìm D, đi bộ được một đoạn đường khoảng 100 mét thì tất cả quay lại nhà L2. Khi về đến nhà thì L2 chạy xe của mình đi tìm D, lúc đi tìm thì L2 thấy D cùng T1, Quách Kim C2 và Lê Văn H2 đang đánh bài trên hàng ba quán giải khát của ông Lâm Văn V, ngụ ấp Đ, xã Đ, thì L2 chạy xe về nhà và chỉ nơi mà D đang ngồi đánh bài cho bị cáo và N3 biết. Lúc đó, bị cáo hỏi L2: “Có gì chơi không”, L2 nói: “Có dao đốn mía”, bị cáo kêu L2 lấy 02 cây dao đốn mía thì L2 ra nhà sau lấy 02 cây dao trên kệ để dao mang ra hàng ba nhà đưa cho bị cáo 01 cây và N3 01 cây. Bị cáo kêu L2 đi cùng đến quán ông V nhưng L2 không đi mà kêu bị cáo lấy xe của L2 đi. Trên đường đi thì N3 chạy xe còn bị cáo ngồi sau cầm 02 cây dao và N3 nói với bị cáo là đi đến quán thì N3 vào hỏi còn bị cáo đứng ngoài lộ, bị cáo đồng ý. N3 chạy xe đến đầu trên lộ đāl ngay đường đi vào quán, N3 đi vào quán hỏi còn bị cáo thì đứng ở ngoài, bị cáo kêu N3 vào đi có chuyện gì bị cáo chạy vào. Lúc đó bị hại Nguyễn Văn T1 đang đánh bài tiến lên ăn mì gói với Quách Kim C2, Nguyễn Văn D và Lê Văn H2, thì N3 từ trên lộ đi vào đứng ngoài sân gần chỗ H2 và C2 ngồi, N3 hỏi: “Ở đây có thằng D không”, T1 trả lời: “Có, kiểm nó có chuyện gì không, nhậu thì đánh hết bàn bài này thì nhậu”. N3 không trả lời mà đi ra lộ nói với bị cáo có D trong đó, ngay lúc này bị cáo đưa cho N3 01 cây dao còn bị cáo cầm 01 cây dao chạy vào quán, bị cáo vừa chạy vào đến sân quán và la lên: “Mấy anh em mầy ăn hiếp anh em tao”, nghe bị cáo la và thấy trên tay bị cáo cầm cây dao nên tất cả đều bỏ chạy, T1 ngồi phía bên trong và khi chạy bị vấp cái ghế mũ nên T1 chạy không kịp thì bị bị cáo chém một dao trúng vào mặt ngoài khớp gối trái, rồi bị cáo đi ra lộ đāl và được N3 chở bị cáo về nhà L2. Riêng Phạm Văn N3 cũng từ lộ đāl đi vào đến sân quán, trên tay cầm cây dao nhưng không tham gia đánh, chém ai hết. Tại nhà L2, bị cáo nói với L2 đã chém T1 rồi. Sau đó, L2 chạy xe chở bị cáo và N3 đến cầu X rồi L2 chạy xe về nhà. Bị cáo và N3 đi về đám mía gần nhà bị cáo để trốn và cả hai cùng cất giấu 02 cây dao tại khu vực mộ ông Nguyễn Văn T5 tại ấp Đ, xã Đ. Ngày 09/01/2011, L2 bán chiếc xe Wave của mình cho ông Huỳnh Văn H3, ấp Đ, xã Đ được 2.000.000 đồng, L2 đưa cho bị cáo 500.000 đồng để đi trốn, còn L2 và N3 cũng bỏ trốn. Đến ngày 08/6/2022 mới bắt được bị cáo Nguyễn Văn N1 theo quyết định truy nã.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 105/TgT.PY.2011 ngày 08/4/2011 kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đối tượng giám định: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983, giới nam. Bị chém bằng vật sắc vào khớp gối trái gây thương tích, đã được điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng.

- Hiện tại khám thấy: Sẹo mặt ngoài khớp gối trái, kích thước: 13 x 01cm, ảnh hưởng đến vận động và đi lại của khớp gối – căng – bàn chân trái.

2. Căn cứ Thông tư số 12/TT-LB của Liên Bộ Y tế - Lao động Thương binh và xã hội ngày 26/7/1995, tổng tỉ lệ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là: 23% (hai mươi ba phần trăm).

* Thương tích không nằm ở vùng nguy hiểm tới tính mạng, không gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

* Tổn thương do vật sắc gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 261/TgT.PY.2011 ngày 05/8/2011 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổn thương gây ảnh hưởng chức năng đi – đứng của khớp gối – căng bàn chân trái.

Về vật chứng trong vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình và mẹ bị cáo là bà Trần Thị K đã bồi thường các khoản chi phí cho bị hại Nguyễn Văn T1 với số tiền 15.000.000 đồng. Do nhận biết hành vi sai trái của mình nên Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 mỗi người tự nguyện khắc phục số tiền 8.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn T1. Bị hại T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản chi phí nào khác.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS.CLD ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn N1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ giữa Nguyễn Văn D là em của bị hại T1 với L2 bạn của bị cáo. L2 kêu bị cáo đánh dẫn mặt D, thì bị cáo đồng ý. L2 tìm hung khí, chỉ chỗ D cho bị cáo, thì bị cáo và N3 đi tìm D đánh dẫn mặt. Khi đến chỗ có mặt D, N3 hỏi: “Ở đây có thằng D không”, thì Thâu là anh của D trả lời: “Có, kiếm nó có chuyện gì không, nhậu thì đánh hết bàn bài này thì nhậu”. N3 không trả lời mà đi ra lộ nói với bị cáo có D trong đó, ngay lúc này bị cáo đưa cho N3 01 cây dao còn bị cáo cầm 01 cây dao chạy vào quán, bị cáo vừa chạy vào đến sân quán và la lên: “Mấy anh em mấy ăn hiếp anh em tao”, nghe bị cáo la và thấy trên tay bị cáo cầm cây dao nên tất cả đều bỏ chạy, T1 ngồi phía bên trong và khi chạy bị vấp cái ghế mũ nên T1 chạy

không kịp thì bị bị cáo chém một dao trúng vào mặt ngoài khớp gối trái, bị cáo bỏ đi ra lộ đāl và được N3 chở bị cáo về nhà L2. Riêng Phạm Văn N3 cũng từ lộ đāl đi vào đến sân quán, trên tay cầm cây dao nhưng không tham gia đánh, chém ai hết. Kết luận giám định tỉ lệ tổn thương cơ thể của bị hại T1 là 23%. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích với tình tiết định khung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội, bị cáo tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với Lâm Vũ L2 có vai trò xúi giục và cung cấp phương tiện, hung khí cho bị cáo và Phạm Văn N3 để cùng nhau đi gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn T1. Phạm Văn N3 có vai trò giúp sức cho bị cáo, N3 không có trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại. Hành vi trên của Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích với vai trò đồng phạm với bị cáo. Nhưng hành vi trên của Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 thực hiện vào ngày 07/01/2011 đến ngày 09/6/2022 thì đã hơn 11 năm nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi đồng phạm của Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 là đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lao động nuôi vợ, con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người người làm chứng Nguyễn Văn D, Lê Văn H2, Lê Đức T4, Huỳnh Văn H3 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, xét thấy họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị K và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ giữa Nguyễn Văn D là em của bị hại T1 với L2 bạn của bị cáo. L2 kêu bị cáo đánh dần mặt D, thì bị cáo đồng ý. Khoảng hơn 18 giờ ngày 07 tháng 01 năm 2011, L2 chỉ chỗ D cho bị cáo, L2 tìm hung khí cho bị cáo, thì bị cáo và N3 đi tìm D đánh dần mặt. Khi đến chỗ có mặt D (quán giải khát của ông Lâm Văn V tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng), N3 hỏi: “Ở đây có thằng D không”, thì T1 là anh của D trả lời: “Có, kiếm nó có chuyện gì không, nhậu thì đánh hết bàn bài này thì nhậu”. N3 không trả lời mà đi ra lộ nói với bị cáo có D trong đó, ngay lúc này bị cáo đưa cho N3 01 cây dao còn bị cáo cầm 01 cây dao chạy vào quán, bị cáo vừa chạy vào đến sân quán và la lên: “Mấy anh em mày ăn hiếp anh em tao”, nghe bị cáo la và thấy trên tay bị cáo cầm cây dao nên tất cả đều bỏ chạy, T1 ngồi phía bên trong và khi chạy bị vấp cái ghế mũ nên T1 chạy không kịp thì bị bị cáo chém một dao trúng vào mặt ngoài khớp gối trái, bị cáo bỏ đi ra lộ đāl và được N3 chở bị cáo về nhà L2. Sau đó, bị cáo bỏ trốn đến ngày 08/6/2022, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã.

[4] Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 105/TgT.PY.2011 ngày 08/4/2011 kết luận:

[4.1] 1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đối tượng giám định: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983, giới nam. Bị chém bằng vật sắc vào khớp gối trái gây thương tích, đã được điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng.

- Hiện tại khám thấy: Sẹo mặt ngoài khớp gối trái, kích thước: 13 x 01cm, ảnh hưởng đến vận động và đi lại của khớp gối – cẳng – bàn chân trái.

[4.2] 2. Căn cứ Thông tư số 12/TT-LB của Liên Bộ Y tế - Lao động Thương binh và xã hội ngày 26/7/1995, tổng tỉ lệ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là: 23% (hai mươi ba phần trăm).

* Thương tích không nằm ở vùng nguy hiểm tới tính mạng, không gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

* Tổn thương do vật sắc gây nên.

[5] Tại Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 261/TgT.PY.2011 ngày 05/8/2011 của Trung tâm giám định y khoa và pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổn thương gây ảnh hưởng chức năng đi – đứng của khớp gối – cẳng bàn chân trái.

[6] Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Chỉ vì nghe lời bạn mà bị cáo đã có hành vi dùng dao để gây thương tích cho bị hại T1 với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 23%. Bị cáo dùng cây dao, loại dao đôn mía để gây thương tích cho bị hại, đây là hung khí nguy hiểm nên thuộc tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm”, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6.1] Tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định *“Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”*, theo đó điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định *“Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người”*.

[6.2] Tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội cố ý gây thương tích như sau: *“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:”*; tại điểm đ quy định *“Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”*, theo đó điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định *“Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm ...”*

[6.3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 có mức hình phạt cao nhất là 07 năm tù; tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tù cao nhất là 06 năm là có lợi cho bị cáo nên việc áp dụng điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo hướng có lợi để xem xét hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6.4] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được sức khỏe, thân thể của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm hại, gây tổn hại đến sức khỏe, thân thể của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Chỉ vì nghe lời bạn bè mà bị cáo đã dùng dao chém vào cơ thể của bị hại gây thương tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về cơ thể của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Vì vậy, cần thiết xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung đối với mọi người là phải biết cách xử sự với nhau có chừng mực, phù hợp với quy tắc xử sự trong cuộc sống.

[8] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại với số tiền 15.000.000 đồng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về lao động nuôi con nhỏ; bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về vật chứng: Không có nên không đặt ra xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động mẹ bị cáo là bà Trần Thị K tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 15.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Bà Trần Thị K đã chết vào ngày 20/12/2022, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên do bà K đã bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 07/01/2011, thì Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 đã có hành vi đồng phạm với bị cáo. Tội phạm do bị cáo thực hiện vào ngày 07/01/2011 là tội phạm nghiêm trọng nhưng đến ngày 09/6/2022 thì đã hơn 11 năm nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị đến Cơ quan Công an xã Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có biện pháp giáo dục đối với Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 biết cách xử sự với nhau có chừng mực, phù hợp với quy tắc xử sự trong cuộc sống nhằm hạn chế tội phạm xảy ra tại địa phương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ vào: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, ngày 08 tháng 6 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Kiến nghị đến Cơ quan Công an xã Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có biện pháp giáo dục đối với Lâm Vũ L2 và Phạm Văn N3 biết cách xử sự với nhau có chừng mực, phù hợp với quy tắc xử sự trong cuộc sống nhằm hạn chế tội phạm xảy ra tại địa phương.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung (CQTHAHS, CQCSĐT);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND và CAND xã Đ, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn